

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/6/2024

V/v: ly hôn, tranh chấp

nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Nhạn

2. Bà Lữ Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Vi Thị T - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Vi Văn T - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị Vi Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Vi Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, Bản tự khai ngày 01/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/3/2013. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi người có suy nghĩ, lối sống khác nhau nên thường xuyên cãi cọ, không thể hòa hợp được, vợ chồng đã sống ly thân kể từ cuối năm 2023 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung Vi Đức K, sinh ngày 15/8/2013 và Vi Trung K, sinh ngày 15/9/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vi Đức K và Vi Trung K; chị T yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị T đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Vi Thị T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân của chị T; Giấy khai sinh cháu Vi Đức K và Vi Trung K (bản sao); Xác nhận thông tin nơi cư trú của bị đơn; bản tự khai của cháu K1 và cháu K2; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2024; Bản tự khai của chị T; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Về bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh T để lấy lời khai của anh.

* *Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024,* ông Vi Văn Mừng - Trưởng bản Na Mèo, xã Na Mèo cho biết:

- Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Na Mèo, huyện Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh T và chị T chung sống bình thường đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính cách, anh T không tu chí làm

ăn, thường hay sử dụng rượu bia, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con. Địa phương cùng gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng kết quả không thành. Hiện nay chị T và anh T đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chị T làm đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung là Vi Đức K, sinh năm 2012 và Vi Trung K, sinh năm 2016. Nếu trường hợp ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 điều 56; Các điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Vi Thị T đối với bị đơn anh Vi Văn T và giao con chung của anh chị là Vi Đức K và Vi Trung K cho chị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về án phí, chị T, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Vi Thị T và anh Vi Văn T các văn bản tố tụng của Tòa án; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn T tự nguyện kết hôn ngày 23/4/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Na Mèo, tỉnh Thanh

Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; mặt khác anh T không tu chí làm ăn, không chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vi Văn T.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 01/3/2024; Biên bản xác minh lấy ý kiến của Trưởng bản Na Mèo, xã Na Mèo ngày 02/5/2024 mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị T, anh T thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay chị T có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị T đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Vi Đức K, sinh ngày 15/8/2012 và Vi Trung K, sinh ngày 15/9/2016.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Vi Đức K và Vi Trung K.

Qua chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án, HĐXX thấy rằng, nguyện vọng của chị T là chính đáng, phù hợp, việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho các cháu. Hiện hai cháu Vi Đức K và Vi Trung K đang học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ, sinh sống cùng chị T và có nguyện vọng muốn ở cùng chị T theo bản tự khai ngày 01/3/2024. Do vậy giao con chung Vi Đức K và Vi Trung K cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của cháu.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị T; Giao Vi Đức K, sinh ngày 15/8/2012 và Vi Trung K, sinh ngày 15/9/2016 là con chung của chị T, anh T cho chị T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 500.000đ đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Mức yêu cầu cấp dưỡng của chị T trong thời điểm hiện tại là hoàn toàn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của khu vực kinh tế, xã hội nơi chị T cùng các con

chung đang sinh sống. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T về việc buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 500.000đ đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Vi Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật; anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b Khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 3 điều 81; các điều 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T.

Về hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Vi Thị T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Vi Đức K, sinh ngày 15/8/2012 và Vi Trung K, sinh ngày 15/9/2016; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu một tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 07/2024 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002470, ký hiệu BLTU/23 ngày 27/02/2024. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Na Mèo;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng